TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 12-7-2019
V/v "Ly hôn, tranh chấp nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đặng Thị Ngọc Loan
Các hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Cảnh Huy và ông Vũ Xuân Tuất
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Lê Thị Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa***: Ông Đinh Ngọc Mạnh – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai, Tòa án xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 306/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2019 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐST-HNGĐ, ngày 26/6/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1989
Trú tại: Ấp 1, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.
- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979
Trú tại: Ấp S, xã B, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị L có mặt, anh N vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn Huỳnh Ngọc L trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N tự nguyện kết hôn với nhau có đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Vợ chồng anh chị chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh ngày 07/2/2011 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 07/02/2011, vợ chồng anh chị không có tài sản chung, nợ chung. Nguyên nhân chị xin ly hôn với anh N vì vợ chồng khác quan điểm sống, không hợp tính tình, không quan tâm, chăm sóc và thương yêu nhau. Anh chị đã sống ly thân từ năm 2016 đến nay. Hiện tại, chị không còn tình cảm thương yêu anh N nữa nên xin được ly hôn. Chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 con chung, yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi; tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh

Nguyễn Văn N đến Tòa để làm việc, hòa giải nhưng anh không đến. Tuy nhiên trong bản tự khai gửi cho Tòa án anh N trình bày: Anh và chị L đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại UBND xã Bắc Sơn. Trong quá trình chung sống anh chị cũng có mâu thuẫn nhỏ nhưng chị L đã bỏ nhà đi về ngoại sinh sống từ năm 2015 đến nay, anh đã nhiều lần đến để xin lỗi chị L nhưng chị nhất quyết không chịu về đoàn tụ. Nay chị L kiên quyết ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn nhưng do anh là người có đạo nên không đến Tòa án làm việc. Anh đồng ý để chị L nuôi hai con chung, anh cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng. Về tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết, nợ chung không có.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Huỳnh Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Về con chung: Đề nghị Tòa án giao 02 con chung cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, anh N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng. Chị L phải nộp án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh N phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con". Căn cứ khoản 1 Điều 28 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015, tranh chấp thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Tại phiên tòa, anh Nguyễn Văn N có đơn xin vắng mặt, căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn: Quan hệ giữa chị L và anh N là quan hệ hôn nhân hợp pháp vì anh chị lấy nhau tự nguyện, có đăng ký kết hôn. Tuy nhiên, mâu thuẫn phát sinh vì chị L cho rằng chị với anh N không hợp tính tình, không cùng quan điểm nên thường cãi vã nhau, anh chị đã ly thân 4 năm nay và từ ngày sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau. Nay tình cảm của chị dành cho anh không còn. Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mời anh N đến Tòa để hòa giải nhưng anh không đến và cũng có văn bản đồng ý ly hôn thể hiện việc anh không có ý muốn đoàn tụ. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa chị L và anh N trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 cần chấp nhận cho chị L được ly hôn với anh N.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh N có 02 con chung là cháu Nguyễn Bảo L, sinh ngày 07/2/2011 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 07/02/2011, chị yêu cầu được nuôi con và yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng. Vấn đề này HĐXX xét thấy các con chung đang sống ổn định cùng với chị L, trong quá trình giải quyết vụ án thì các con chung của anh

N và chị L đều có nguyện vọng được sống cùng với chị. Ngoài ra, anh N cũng có văn bản đồng ý để hai con cho chị L nuôi, anh đồng ý cấp dưỡng nuôi hai con, mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng. Nên cần chấp nhận yêu cầu xin nuôi con của chị L và buộc anh N cấp dưỡng nuôi hai con chung, mỗi con 1.000.000 đồng/ tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con được quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội.

Xét đề nghị nêu trên của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom thì thấy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Ngọc L. Chị Huỳnh Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho chị Huỳnh Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Bảo L, sinh ngày 07/2/2011 và Nguyễn Bảo A, sinh ngày 07/02/2011. Anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị Huỳnh Ngọc L, mức cấp dưỡng nuôi mỗi con là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Huỳnh Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 cho chị L.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi điều kiện thay đổi, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí:

- Chị Huỳnh Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị L đã nộp theo biên lai thu số: 0006605, ngày 18/4/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Chị Huỳnh Ngọc L đã nộp đủ án phí.

- Anh Nguyễn Văn N phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5. Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Bắc Sơn (GCNĐKKH số 224/BS, quyển số 01/2008);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Thị Ngọc Loan

TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** TỈNH ĐỒNG NAI	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi 09 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 7 năm 2019, tại: Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Loan

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Cảnh Huy và ông Vũ Xuân Tuất.

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số 306/2019/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 4 năm 2019, về việc: "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Ngọc L, sinh năm 1989

Trú tại: Ấp 1, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1979

Trú tại: Ấp Sông Mây, xã Bắc Sơn, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU*:*

1. Về quan hệ pháp luật:

- Ý kiến hội thẩm 1: Tranh chấp giữa các bên là "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

- Ý kiến hội thẩm 2: Nhất trí như ý kiến hội thẩm 1.

- Ý kiến Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Nhất trí với ý kiến 2 hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

2. Về điều luật áp dụng:

- Ý kiến hội thẩm 1: Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội;

- Ý kiến hội thẩm 2: Nhất trí như ý kiến hội thẩm 1.

- Ý kiến Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Nhất trí với ý kiến 2 hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3. Về nội dung:

3.1 Về yêu cầu xin ly hôn:

- Ý kiến hội thẩm 1: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Huỳnh Ngọc L. Chị Huỳnh Ngọc L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

- Ý kiến hội thẩm 2: Nhất trí như ý kiến hội thẩm 1.

- Ý kiến Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Nhất trí với ý kiến 2 hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3.2 Về con chung:

- Ý kiến hội thẩm 1: Giao cho chị Huỳnh Ngọc L được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Bảo Long, sinh ngày 07/2/2011 và Nguyễn Bảo An, sinh ngày 07/02/2011. Anh Nguyễn Văn N có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con chung cho chị Huỳnh Ngọc L, mức cấp dưỡng cho mỗi con là 1.000.000 đồng (một triệu đồng)/ tháng cho đến khi con chung tròn 18 tuổi.

Kể từ ngày chị Huỳnh Ngọc L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh Nguyễn Văn N chậm thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015 cho chị L.

Không ai được cản trở quyền đi lại, thăm nom và chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con, khi điều kiện thay đổi, đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Ý kiến hội thẩm 2: Nhất trí như ý kiến hội thẩm 1.

- Ý kiến Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Nhất trí với ý kiến 2 hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

3.3 Về án phí:

- Ý kiến hội thẩm 1: Chị Huỳnh Ngọc L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

- Ý kiến hội thẩm 2: Nhất trí như ý kiến hội thẩm 1.

- Ý kiến Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Nhất trí với ý kiến 2 hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

4. Các vấn đề khác:

- Ý kiến hội thẩm 1:

Về án phí: Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án, người vắng mặt tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Ý kiến hội thẩm 2: Nhất trí như ý kiến hội thẩm 1.

- Ý kiến Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Nhất trí với ý kiến 2 hội thẩm.

Kết quả biểu quyết: 3/3

Nghị án kết thúc cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ	**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**